

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 209/2018/HS-PT

Ngày: 06-11-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Trọng Hân**

Bà Nguyễn Diệu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Đỗ Thị Tuyết Nhung** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 177/2018/TLPT-HS ngày 10 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo Nguyễn Văn Q và Mã Quốc H do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2018/HS-ST ngày 04/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn Q (H), sinh năm 1963. Nơi cư trú: Số 117 A, tổ 14, khu vực 2, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; trình độ văn hóa: 7/10; nghề nghiệp: Xe ôm; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Trịnh Thị Ngh; vợ: Lê Thị Thu Th và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Vào ngày 30/10/1992 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ, xử phạt 03 năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Trốn khỏi nơi giam giữ”, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 11/HSST ngày 30/10/1992; vào ngày 05/9/1996 bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 380/HSST ngày 05/9/1996; ngày 13/6/1998 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xử phạt 07 năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Buộc phải chấp hành 09 tháng tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 380 ngày 05/9/1996 của Tòa án nhân dân quận Bình

Thanh, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng hợp hình phạt chung là 07 năm 09 tháng tù, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 26/HSST ngày 13/6/1998; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/01/2018 đến ngày 12/3/2018. (Có mặt)

2. Mã Quốc H, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Số 583/78/30 đường 30/4, tổ 22, khu vực 3, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: Làm thuê; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D và bà Mã Thị M; vợ: Huỳnh Thị Huyền Tr và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Vào ngày 18/4/1997 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Cần Thơ xét xử phúc thẩm, xử phạt 15 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản của công dân” tại bản án hình sự phúc thẩm số: 40/HSPT ngày 18/4/1997; vào ngày 22/6/2000 bị cáo bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 04 năm, về tội “Cướp giật tài sản của công dân”, tại bản án hình sự phúc thẩm số: 1228/HSPT ngày 22/6/2000; vào ngày 03/11/2009 bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang xử phạt 02 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2009/HSST ngày 03/11/2009; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/01/2018 đến ngày 12/3/2018. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ với nhau từ trước nên Nguyễn Văn Q cùng Mã Quốc H đã bàn bạc với nhau về phương thức cũng như việc chuẩn bị phương tiện và phân công nhiệm vụ để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân, hành vi thực hiện như sau: Vào sáng ngày 12/01/2018 Q cùng H đi mua 06 miếng vàng ròng SJC giả, mỗi miếng 01 lượng rồi H điều khiển xe mô tô mang biển số kiểm soát 65U2 – 3269 (do H làm chủ sở hữu) chở Q đi trên quốc lộ theo hướng từ thành phố Cần Thơ đến thành phố Rạch G, tỉnh Kiên Giang. Khi đi đến đoạn quốc lộ 61 ngang phòng khám đa khoa Thanh B thuộc khu phố M, thị trấn Minh L, huyện C, tỉnh Kiên Giang thì H nhìn thấy Lê Văn Th (cư trú tại ấp Hòa V, xã Th, huyện U, tỉnh Kiên Giang) đang điều khiển xe mô tô đi cùng chiều với mình nên H điều khiển xe chạy song song với Th rồi giả vờ hỏi thăm đường và hỏi Th rằng “H muốn mua vàng của Q và nhờ Th đứng ra làm chứng rồi cho tiền Th uống cà phê” thì Th đồng ý nên cùng nhau chạy vào đường Bệnh viện Ung Bướu thuộc ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang để thực hiện hành vi. Tại đây, Q lấy 02 miếng vàng ròng SJC giả rủ Th đổi 01 sợi dây chuyền vàng của H và 01 chiếc nhẫn vàng của Th đang đeo trên người, nếu số vàng của Q còn dư sẽ cho Th hưởng thì Th đồng ý nên Th tự tháo chiếc nhẫn đang đeo trên tay của mình ra đưa cho H, sau đó H lấy sợi dây chuyền vàng đã chuẩn bị sẵn cùng với chiếc nhẫn của Th đưa lại cho Q, Q lấy 02 miếng vàng ròng SJC giả đưa lại cho H nhưng H không chịu đưa miếng vàng cho Th nên Th không đồng ý đổi nữa liền kêu Q trả lại chiếc nhẫn nhưng Q không đồng ý trả mà leo lên xe cho H chở bỏ chạy thì bị Th chạy theo nắm giữ xe lại rồi truy hô và được quần chúng nhân dân bắt quả tang Q và H cùng vật chứng gồm: 01 chiếc

nhẫn bằng kim loại màu vàng; 06 miếng kim loại màu vàng và 01 chiếc xe Honda, nhãn hiệu Taurus biển kiểm soát 65U2 – 3269.

Tại bản Kết luận giám định số: 75/KL-KTHS ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận:

1/ 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt trong có đóng (in lõm) chữ số “H.HEN 50” (ký hiệu M1) nêu trên gửi giám định có khối lượng 18,751 gam, có chứa thành phần kim loại Vàng (Au), hàm lượng: 78,8%.

2/ 01 miếng kim loại màu vàng, hình chữ nhật, có in lõm chữ số “SJC RỒNG VÀNG 9999 1 LƯỢNG” (ký hiệu M2) nêu trên gửi giám định có khối lượng 50,882 gam, không phát hiện thành phần kim loại Vàng (Au).

3/ 01 miếng kim loại màu vàng, hình chữ nhật, có in lõm chữ số “SJC RỒNG VÀNG 9999 1 LƯỢNG” (ký hiệu M3) nêu trên gửi giám định có khối lượng 51,041 gam, không phát hiện thành phần kim loại Vàng (Au).

4/ 01 miếng kim loại màu vàng, hình chữ nhật, có in lõm chữ số “SJC RỒNG VÀNG 9999 1 LƯỢNG” (ký hiệu M4) nêu trên gửi giám định có khối lượng 44,497 gam, không phát hiện thành phần kim loại Vàng (Au).

5/ 01 miếng kim loại màu vàng, hình chữ nhật, có in lõm chữ số “SJC RỒNG VÀNG 9999 1 LƯỢNG” (ký hiệu M5) nêu trên gửi giám định có khối lượng 52,521 gam, không phát hiện thành phần kim loại Vàng (Au).

6/ 01 miếng kim loại màu vàng, hình chữ nhật, có in lõm chữ số “SJC RỒNG VÀNG 9999 1 LƯỢNG” (ký hiệu M6) nêu trên gửi giám định có khối lượng 53,392 gam, không phát hiện thành phần kim loại Vàng (Au).

7/ 01 miếng kim loại màu vàng, hình chữ nhật, có in lõm chữ số “SJC RỒNG VÀNG 9999 1 LƯỢNG” (ký hiệu M7) nêu trên gửi giám định có khối lượng 51,170 gam, không phát hiện thành phần kim loại Vàng (Au).

8/ 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, có mặt dạng sừng màu trắng (ký hiệu M8) nêu trên gửi giám định có tổng khối lượng 163,310 gam (khối lượng sừng màu trắng: 14,091 gam; khối lượng kim loại: 149,219 gam), phần kim loại có chứa thành phần kim loại Vàng (Au), hàm lượng: 64,4%.

9/ 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, trên mặt có gắn hột dạng đá màu tím, mặt ngoài hai bên có ký hiệu “1983 và 1962”, mặt trong có đóng (in lõm) chữ số “Rkm JOSTENS 10K” (ký hiệu M9) nêu trên gửi giám định có tổng khối lượng 20,667 gam (khối lượng hột đá màu tím: 1,111 gam; khối lượng kim loại: 19,556 gam), phần kim loại có chứa thành phần kim loại Vàng (Au), hàm lượng: 39,7%.

10/ 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, trên mặt có gắn hột dạng hình chữ nhật màu đen, mặt trong có đóng (in lõm) chữ số “KH2680” (ký hiệu M10) nêu trên gửi giám định có tổng khối lượng 4,954 gam (khối lượng hạt hình chữ

nhật màu đen: 1,022 gam; khối lượng kim loại: 3,932 gam), phần kim loại có chứa thành phần kim loại Vàng (Au), hàm lượng: 49,0%.

11/ 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt trong có đóng (in lõm) chữ số “16K 667” (ký hiệu M11) nêu trên gửi giám định có tổng khối lượng 1,386 gam, có chứa thành phần kim loại Vàng (Au), hàm lượng: 58,3%.

12/ 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, có mặt hình phật dạng đá màu xanh, mặt sau có đóng (in lõm) chữ số “408” (ký hiệu M12) nêu trên gửi giám định có tổng khối lượng 83,043 gam (khối lượng mặt hình phật dạng đá màu xanh: 15,308 gam; khối lượng kim loại: 67,735 gam), phần kim loại có chứa thành phần kim loại Vàng (Au), hàm lượng: 58,5%.

13/ 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, trên mặt có gắn hột dạng đá màu vàng, mặt trong có đóng (in lõm) chữ số “KTL 610 58” (ký hiệu M13) nêu trên gửi giám định có tổng khối lượng 17,968 gam (khối lượng hột dạng đá màu vàng: 1,959 gam; khối lượng kim loại: 16,009 gam), phần kim loại có chứa thành phần kim loại Vàng (Au), hàm lượng: 51,5%.

14/ 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, trên mặt có gắn hột dạng đá màu đỏ, mặt trong có đóng (in lõm) chữ số “KTL 610 149” (ký hiệu M14) gửi giám định có tổng khối lượng 22,534 gam (khối lượng hột dạng đá màu đỏ: 5,491 gam; khối lượng kim loại: 17,043 gam), phần kim loại có chứa thành phần kim loại Vàng (Au), hàm lượng: 49,8%.

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: **10** ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang thể hiện:

Một chiếc nhẫn vàng “H.HEN 50”, có khối lượng 18,751 gam = 05 chỉ, có hàm lượng: 78,8%. Tổng giá trị là 12.965.000 đồng (*Mười hai triệu, chín trăm sáu mươi lăm ngàn đồng*).

**Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2018/HSST, ngày 04/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

1. *Tuyên bố:* Các bị cáo **Nguyễn Văn Q và Mã Quốc H** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. *Áp dụng:* Điều a khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Q 03 (ba) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành hình phạt. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 12/01/2018 đến ngày 12/3/2018.

Xử phạt: Bị cáo **Mã Quốc H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành hình phạt. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 12/01/2018 đến ngày 12/3/2018.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13/9/2018, bị cáo Nguyễn Văn Q và Mã Quốc H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng tội và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mã Quốc H, giữ nguyên mức án 02 năm 06 tháng tù. Bị cáo Nguyễn Văn Q do có tình tiết giảm nhẹ mới nên giảm cho bị cáo 01 năm tù, còn lại 02 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của Bản án sơ thẩm:

Vì muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo Nguyễn Văn Q đã rủ bị cáo Mã Quốc H đi mua vàng giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác đem bán chia nhau thì H đồng ý. Cả hai bàn bạc, thống nhất với nhau là Q sẽ đóng vai người bán vàng, còn H sẽ đóng vai người mua vàng và lấy xe mô tô để làm phương tiện phạm tội. Đến sáng ngày 12/01/2018 như đã hẹn Q và H gặp nhau, H chở Q đi mua 06 miếng vàng ròng SJC giả rồi tiếp tục điều khiển xe đi từ thành phố Cần Thơ đi xuống tỉnh Kiên Giang để tìm đối tượng lừa đảo. Khi cả hai đi đến khu phố Minh P, thị trấn M thì phát hiện ông Lê Văn Th trên tay có đeo vàng nên cả hai tiếp cận giả vờ hỏi đường, đồng thời nhờ ông Th đứng ra làm chứng cho Q và H trao đổi mua bán vàng với nhau rồi sẽ chia hoa hồng cho ông Th. Tin lời Q và H ông Th đi theo Q và H đến Bệnh viện Ung Bướu thuộc ấp Hòa Th, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang và tại đây Q và H đã dùng thủ đoạn gian dối như đã thỏa thuận trước để chiếm đoạt 05 chỉ vàng của ông Th. Theo kết quả định giá tài sản thì 05 chỉ vàng mà Q và H chiếm đoạt của ông Th có giá trị là 12.965.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của các bị cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn Q và Mã Quốc H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Hội đồng xét xử thấy rằng, hai bị cáo mặc dù đã được xóa án tích nhưng bị cáo Q đã từng bị xét xử ba lần về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài, bị cáo H cũng đã bị xét xử ba lần về hành vi cướp giật và trộm cắp tài sản. Sau khi chấp hành xong hình phạt, các bị cáo không biết ăn năn hối cải sống có ích cho xã hội mà tiếp tục sa vào con đường phạm tội. Trong vụ án này, các bị cáo lên kế hoạch phạm tội, chuẩn bị phương tiện phạm tội và phân công nhiệm vụ từng người rất chặt chẽ. Điều này thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo thuộc đối tượng rất nguy hiểm cho xã hội, không đủ điều kiện để được hưởng án treo, không có khả năng tự giáo dục, cải tạo bản thân mà cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục các bị cáo đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội. Mức án mà tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Mã Quốc H không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở để giảm án cho bị cáo; bị cáo Nguyễn Văn Q có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là có anh ruột tên Nguyễn Quốc H là liệt sĩ, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ mới tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo Q một phần hình phạt.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử đã thảo luận và thấy rằng các Quyết định của Bản án sơ thẩm về tội danh và mức hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Văn Q và Mã Quốc H là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo Q có tình tiết giảm nhẹ mới nên thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên, giảm cho bị cáo Q một phần hình phạt.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo H không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng. Bị cáo Q được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

2. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Q 02 (hai) năm tù** về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành hình phạt. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 12/01/2018 đến ngày 12/3/2018.

Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Mã Quốc H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành hình phạt. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 12/01/2018 đến ngày 12/3/2018.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Bị cáo H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra I (1)
- VKSND cấp cao tại TPHCM (1);
- TAND cấp cao tại TPHCM (1).
- VKSND tỉnh (1);
- Sở tư pháp tỉnh (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh (1);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- TAND huyện (1);
- THADS huyện (1);
- Viện kiểm sát huyện (1);
- Cơ quan cảnh sát điều tra CA huyện (1);
- Cơ quan thi hành án Hình sự CA huyện (2);
- Bị cáo (2).
- Lưu hồ sơ (1)
- Lưu Tòa HS (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Quốc Chiến